

## THE DIFFERENTIATION OF THE NGUYEN DYNASTY DURING THE RESISTANCE AGAINST THE FRENCH COLONIAL INVASION (1858-1884)

Ngo Sy Trang, Huynh Thi Bich Tram\*

HCMUE - Ho Chi Minh City University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	09/6/2025	Based on the analysis of various scholarly works and employing the historical method, this article focuses on clarifying the influencing factors, progression, and consequences of the internal division within the Nguyen dynasty during the resistance against French colonial invasion (1858-1884). The research findings indicate that: (1) the internal division of the Nguyen court was shaped by both objective factors stemming from the broader regional context and subjective factors inherent to the country itself; (2) this division unfolded in three phases: the period of unity in resisting the French (1858-1859), the emergence of internal conflicts and formation of political factions (1859-1883), and the end of the division when the pro-war faction assumed control of the royal court (1883-1884); (3) the internal division had adverse effects on the dynasty's leadership strategy in the resistance, weakened the popular anti-French movement, and hindered the assimilation of achievements from Western civilization. The research findings of this paper help to explain the reasons behind the Nguyen Dynasty's failure in the resistance war against the French colonialists (1858-1884).
Revised:	23/9/2025	
Published:	23/9/2025	

### KEYWORDS

French colonial  
Invasion  
Nguyen dynasty  
Resistance  
Differentiation

## SỰ PHÂN HÓA CỦA TRIỀU NGUYỄN TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1858-1884)

Ngô Sỹ Trang, Huỳnh Thị Bích Trâm\*

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	09/6/2025	Trên cơ sở phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, thông qua phương pháp lịch sử và phương pháp logic, bài báo này tập trung làm rõ các nhân tố tác động, diễn biến và hệ quả của quá trình phân hóa của triều Nguyễn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858-1884). Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) quá trình phân hóa trong triều Nguyễn chịu tác động khách quan từ bối cảnh chung của khu vực và những nhân tố chủ quan của đất nước; (2) quá trình phân hóa diễn ra qua ba giai đoạn: giai đoạn triều đình đoàn kết chống Pháp (1858-1859), giai đoạn triều đình xuất hiện mâu thuẫn và hình thành các phe phái (1859-1883), giai đoạn phân hóa chấm dứt khi phe chủ chiến giành được quyền lãnh đạo triều chính (1883-1884); (3) quá trình phân hóa của triều Nguyễn đã để lại những hệ quả tiêu cực đến đường lối lãnh đạo kháng chiến của triều đình, làm suy yếu phong trào kháng chiến trong nhân dân, đồng thời cản trở quá trình đất nước tiếp thu các thành tựu từ văn minh phương Tây. Kết quả nghiên cứu của bài báo góp phần lý giải nguyên nhân dẫn đến thất bại của triều Nguyễn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858-1884).
Ngày hoàn thiện:	23/9/2025	
Ngày đăng:	23/9/2025	

### TỪ KHÓA

Thực dân Pháp  
Xâm lược  
Triều Nguyễn  
Kháng chiến  
Phân hóa

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13023>

\* Corresponding author. Email: bichtramhuynh@tnu.edu.vn

## 1. Giới thiệu

Năm 1858, thực dân Pháp tấn công cửa biển Đà Nẵng (Quảng Nam), mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Triều Nguyễn với vị thế lãnh đạo đất nước, đóng vai trò quyết định trong việc tổ chức kháng chiến và bảo vệ chủ quyền đất nước. Tuy nhiên, sự phân hóa nội bộ của triều Nguyễn đã tác động tiêu cực đến kết quả kháng chiến, trở thành vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Chi tiết tiến trình kháng chiến chống Pháp xâm lược đã được trình bày trong các nghiên cứu trước đây [1] - [3]. Tác giả Nguyễn Thanh Tiến [4] chỉ ra rằng triều Nguyễn với vai trò lãnh đạo đã thiếu thống nhất trong đường lối kháng chiến và chậm trễ trong đổi mới, khiến đất nước không đủ tiềm lực đối phó với thực dân Pháp. Tác giả Trần Quốc Anh [5] đã nhận định rằng, dù chuyển đi sang Pháp của sứ bộ do Phan Thanh Giản dẫn đầu năm 1863 không đạt được kết quả như mong muốn, nhưng sứ bộ cũng đã có dịp tiếp cận với xã hội Pháp và dần có sự chuyển biến trong tư tưởng từ việc lựa chọn con đường “hòa để thủ” sang hòa hoãn để cải cách đất nước. Nguyễn Duy Thụy [6] nhận định việc mất độc lập chủ yếu do thái độ công, thủ, hòa của triều Nguyễn không rõ ràng, bỏ lỡ nhiều cơ hội phản công. Tác giả Nguyễn Đình Cơ [7] nêu bật việc vua Tự Đức ban đầu kêu gọi, nhưng sau đó ngừng hỗ trợ phong trào kháng Pháp của nhân dân Nam Kỳ (1859-1866) khi các cuộc khởi nghĩa bị đàn áp và phe chủ hòa chiếm ưu thế. Tác giả Nguyễn Trọng Minh [8] nhận định rằng dù một bộ phận sĩ phu dưới triều Nguyễn đã tìm hiểu khoa học kỹ thuật phương Tây từ thế kỷ XVII, định kiến Nho giáo đã cản trở việc tiếp thu triệt để, khiến những thay đổi nhỏ lẻ không đủ sức thay đổi tình trạng lạc hậu của đất nước. Tác giả Trần Thuận [9] tập trung phân tích thái độ của triều Nguyễn và các sĩ phu trước sự xâm lược của thực dân Pháp (1858-1914).

Những công trình nghiên cứu trên đã phân nào đề cập đến sự phân hóa nội bộ của triều Nguyễn trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tuy nhiên, do khác đối tượng nghiên cứu, các tác giả chủ yếu mô tả chung các sự kiện lịch sử, mà chưa thể đi sâu phân tích chi tiết những nhân tố tác động đến sự phân hóa, quá trình hình thành và ảnh hưởng của các phe phái trong triều đình đối với cục diện của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1858-1884). Kế thừa các kết quả nghiên cứu trên đồng thời thông qua khai thác tài liệu lưu trữ, bài viết này tập trung vào việc phân tích các nhân tố tác động, từ đó làm rõ hơn quá trình phân hóa và ảnh hưởng của nó đến cuộc kháng chiến chống Pháp của triều Nguyễn (1858-1884).

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài báo này, nhóm tác giả sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Trong đó, phương pháp lịch sử được sử dụng để khái quát về tình hình khu vực và trong nước, quá trình phân hóa của triều Nguyễn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược theo trình tự thời gian. Phương pháp logic được sử dụng để phân tích những nhân tố tác động, quá trình phân hóa của triều Nguyễn trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Từ đó, bài báo rút ra những kết luận, đánh giá về ảnh hưởng của quá trình phân hóa đó đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858-1884) của triều Nguyễn và nhân dân Việt Nam.

## 3. Kết quả và bàn luận

### 3.1. Những nhân tố tác động đến quá trình phân hóa của triều Nguyễn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858-1884)

*Thứ nhất, sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây và phản ứng của các nước Đông Á*

Từ thế kỷ XVI, làn sóng xâm lược thuộc địa của các quốc gia phương Tây đã khiến các quốc gia Đông Á đã có những phương thức ứng phó khác nhau. Nhìn chung, có thể phân loại thành ba nhóm chính [10, tr.46]. Một là, một số thủ lĩnh ở các quần đảo thuộc Philippines, Indonesia và khu vực Trung Mã Lai chọn cách dễ dàng chấp nhận sự chiếm đóng của thực dân phương Tây; Hai là, các quốc gia như Trung Quốc, Việt Nam và Miến Điện lựa chọn con đường kiên quyết kháng chiến chống lại cuộc xâm lược từ các quốc gia phương Tây; Ba là, một số quốc gia Đông

Á đã tiến hành cải cách và hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, chỉ có Nhật Bản và Xiêm là hai quốc gia thành công trong việc bảo vệ chủ quyền và phát triển kinh tế nhờ thực hiện đường lối cải cách và mở cửa đất nước một cách hiệu quả. Những phản ứng của các quốc gia Đông Á đã tác động đến tư tưởng của quan lại triều Nguyễn. Một bộ phận quan lại kiên quyết lựa chọn con đường kháng chiến chống thực dân Pháp. Bên cạnh đó, một bộ phận quan lại khác chủ trương cải cách, mở cửa đất nước, tạo tiềm lực phát triển để chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp. Tuy nhiên, do triều Nguyễn thiếu một đường lối kháng chiến thống nhất, bỏ lỡ cơ hội cải cách đã khiến đất nước ngày càng lạc hậu và thất bại trước sự xâm lược của thực dân Pháp.

*Thứ hai, cuộc xâm lược nước Việt Nam của thực dân Pháp từ năm 1858 đến năm 1884*

Ngày 01/9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công cửa biển Đà Nẵng (Quảng Nam), mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. Năm 1873, Pháp tấn công Bắc Kỳ lần thứ nhất, buộc triều Nguyễn ký Hiệp ước Giáp Tuất (1874), công nhận sáu tỉnh Nam Kỳ thuộc Pháp. Năm 1882, Pháp tiếp tục đánh Bắc Kỳ lần hai và ép triều đình ký Hiệp ước Harmand (1883) và Hiệp ước Patenôtre (1884), chia Việt Nam thành ba kỳ: Nam Kỳ là thuộc địa, Trung Kỳ là xứ nửa bảo hộ, Bắc Kỳ là xứ bảo hộ. Từ đây, nước Việt Nam hoàn toàn mất độc lập, người dân Việt Nam trở thành thân phận nô lệ, chịu sự thống trị của chính quyền thực dân Pháp. Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, triều Nguyễn tỏ ra do dự và chia rẽ. Vua quan triều Nguyễn đã không nhất quán trước những hành động xâm lược của Pháp. Triều Nguyễn từ chỗ kiên quyết chống Pháp ở giai đoạn đầu đã dần phân hoá thành hai bộ phận: phe chủ hoà, lựa chọn việc thương lượng với Pháp và kí kết các hiệp ước để tập trung đối phó với các cuộc khởi nghĩa của nhân dân; phe chủ chiến, kiên quyết đánh trả Pháp nhưng yếu thế trong triều đình. Chính từ đó, triều Nguyễn dần dần rơi vào con đường thương lượng, hoà hoãn và đánh mất đi nhiều cơ hội để đánh đuổi thực dân Pháp.

*Thứ ba, truyền thống yêu nước và tinh thần đấu tranh chống giặc ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam*

Truyền thống yêu nước hình thành qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Trong suốt chiều dài lịch sử, đất nước liên tục đương đầu với các thế lực ngoại xâm phương Bắc từ triều Hán đến triều Thanh. Truyền thống yêu nước đã thôi thúc triều đình và nhân dân Việt Nam đồng lòng kháng chiến khi Pháp xâm lược. Năm 1858, khi Pháp tấn công Đà Nẵng, triều Nguyễn đã điều động quân đội chống trả quyết liệt, đưa thêm quân vào tăng cường lực lượng chiến đấu. Nhiều đại thần như Tô Linh, Phạm Hữu Nghị, Trần Văn Vi, Lê Hiến Hữu, Nguyễn Đăng Điều, Hồ Sĩ Tuấn đã chủ trương “phải giữ và đánh, thủ để công và công để thủ, rồi quét sạch địch” [6, tr.7]. Các phong trào khởi nghĩa diễn ra sôi nổi trên khắp cả nước của các thủ lĩnh như Trương Định (1859-1864), Nguyễn Trung Trực (1868), v.v. Có thể thấy, lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam đã hình thành và củng cố truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm, đặc biệt trong các cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền đất nước. Tư tưởng đó đã tác động mạnh mẽ đến một bộ phận quan lại triều Nguyễn. Truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm là nguyên nhân khiến một số quan lại triều Nguyễn lựa chọn con đường chủ chiến, kiên quyết chống Pháp để bảo vệ độc lập dân tộc.

*Thứ tư, ảnh hưởng của Nho giáo đến tư tưởng vua, quan triều Nguyễn*

Trong suốt thời kỳ quân chủ Việt Nam, Nho giáo với tư tưởng “trung quân ái quốc” đã tác động sâu sắc đến tư tưởng của vua quan các triều đại. Quan lại triều Nguyễn xem sự trung thành với vua là nghĩa vụ cao cả, điều này góp phần tạo nên sự đoàn kết trong triều đình và củng cố lòng kiên trung của nhiều sĩ phu, tướng lĩnh. Khi thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam không thiếu những tướng tài có khả năng đánh thắng giặc, nhưng tư tưởng trung quân đã trói buộc họ, khiến Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu chỉ lo phòng thủ mà không dám chủ động tấn công. Sau Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), triều Nguyễn đã xem xét vấn đề canh tân đất nước. Vua Tự Đức bắt đầu quan tâm đến các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ. Bên cạnh đó, ông còn cử sứ thần ra nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm. Dù ban đầu còn do dự, nhà vua dần có ý định thực hiện canh tân và nhận được sự ủng hộ từ một bộ phận quan lại. Tuy nhiên, phái thủ cựu với mong muốn giữ hệ tư tưởng Nho giáo và bảo vệ quyền lợi của dòng họ chiếm đa số và áp đảo cả vua Tự Đức lẫn

những quan lại tiến bộ trong triều đình. Do vậy, việc canh tân đất nước không được thực hiện một cách triệt để và không phát huy được tác dụng. Bản thân vua Tự Đức dù nhận thức được sự cấp thiết của cải cách đất nước, nhưng lại thiếu quyết đoán. Đây là nguyên nhân chính khiến các tư tưởng và phong trào canh tân không thể thành hiện thực. Nỗ lực cải cách đất nước của triều Nguyễn dù xuất phát từ nhận thức đúng đắn về nguy cơ mất nước, nhưng lại bị kìm hãm bởi tư tưởng bảo thủ và sự thiếu quyết đoán của một bộ phận quan lại trong triều đình.

*Thứ năm, tình hình tư tưởng - chính trị - kinh tế - xã hội - quân sự của triều Nguyễn trước khi thực dân Pháp xâm lược*

Cuộc xâm lược của thực dân Pháp diễn ra trong bối cảnh triều Nguyễn suy yếu nghiêm trọng. Về chính trị, triều Nguyễn xây dựng nền quân chủ chuyên chế cao độ. Xuất phát từ tư tưởng Nho giáo, triều đình thực hiện các chính sách cấm đạo, giết đạo, khước từ giao thương với phương Tây làm cho đất nước ngày càng lạc hậu với thế giới. Tình trạng tham nhũng, lộng quyền của quan lại địa phương đã gây ra nhiều bất công và áp bức cho người dân. Về kinh tế, triều Nguyễn coi trọng nông nghiệp, nhưng chính sách ruộng đất, thủ công nghiệp và thương nghiệp không hiệu quả. Chính sách “trọng nông ức thương” và “bế quan tỏa cảng” đã làm suy yếu mọi mặt của đất nước. Có thể thấy, chính sách “bế quan tỏa cảng” của triều Nguyễn đã khiến cho Việt Nam bỏ lỡ cơ hội thiết lập quan hệ giao thương với phương Tây. Hệ quả là đất nước bị cô lập và trở thành mục tiêu xâm lược của Pháp. Về xã hội, mâu thuẫn giai cấp ngày một trầm trọng, đời sống người dân đói khổ vì chính sách sưu cao thuế nặng, lao dịch khổ cực và thiên tai mất mùa thường xuyên xảy ra. Điều này dẫn đến sự bùng nổ của các cuộc khởi nghĩa nông dân. Về quân sự, quân đội triều Nguyễn dù đông về số lượng nhưng yếu về chất lượng, vũ khí lạc hậu. Sự chênh lệch về quân sự và khác biệt trong binh pháp của triều Nguyễn đã khiến đất nước giảm khả năng phòng thủ và thất bại trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Như vậy, sự chi phối của tư tưởng chính trị Nho giáo cùng những khác biệt về văn hóa và tôn giáo khiến triều Nguyễn từ dè dặt chuyển sang cự tuyệt và đối đầu với phương Tây. Dù triều Nguyễn ý thức được nguy cơ mất nước và có những nỗ lực cải cách, nhưng sự thiếu quyết đoán của vua Tự Đức cùng tư tưởng bảo thủ của một số quan lại đã khiến những cải cách thực hiện không thành công và không đủ sức mạnh để thay đổi cục diện. Những nhân tố trên đã tác động mạnh mẽ đến quan điểm của vua quan triều Nguyễn trong cuộc đối đầu với Pháp; dẫn đến sự phân hóa trong việc đề ra đối sách chống xâm lược. Cụ thể, một bộ phận kiên quyết lựa chọn con đường kháng chiến chống thực dân Pháp, trong khi bộ phận khác lại chủ trương hòa hoãn với Pháp để tiến hành cải cách đất nước. Có thể nhận định rằng, trong nhiều nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của triều Nguyễn trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, sự chia rẽ trong nội bộ triều đình là một nguyên nhân có tác động không nhỏ.

### **3.2. Quá trình phân hóa của triều Nguyễn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858-1884)**

#### **3.2.1. Giai đoạn triều đình đoàn kết chống thực dân Pháp xâm lược (1858-1859)**

Ngay từ buổi đầu kháng chiến chống Pháp, triều Nguyễn nhanh chóng tăng cường phòng thủ, huy động nhân dân tham gia kháng chiến. Vua Tự Đức chỉ đạo Tổng đốc Trần Hoàng tổ chức phòng ngự chặt chẽ, giao cho Lê Đình Lý dẫn 2.000 quân cấm binh trấn giữ các vị trí trọng yếu [10, tr.567]. Đồng thời, nhiều kế sách chống giặc của nhân dân như giăng xích chắn sông, phục kích tại các cửa biển cũng được áp dụng để ngăn chặn quân Pháp. Tháng 10/1858, Nguyễn Tri Phương được cử làm Tổng thống quân thứ Quảng Nam. Ông chủ trương “lấy thủ làm chiến”, tập trung phòng thủ vững chắc để đánh lâu dài [11, tr.583]. Nhờ chiến lược này và sự đoàn kết của quân dân, mặt trận Đà Nẵng được giữ vững trong 5 tháng dù tương quan về lực lượng của Pháp luôn vượt trội hơn.

Sau thất bại tại Đà Nẵng, Pháp chuyển hướng tấn công Gia Định nhằm tận dụng nguồn hậu cần và cắt đứt nguồn cung cấp lương thực của triều Nguyễn. Ngày 17/02/1859, quân Pháp chiếm được thành Gia Định. Cuối tháng 02/1859, vua Tự Đức ban hành chỉ dụ khuyến khích sĩ dân Nam Kỳ tham gia kháng chiến [4, tr.47]. Điều này cho thấy sự nỗ lực của triều Nguyễn trong

việc huy động sức mạnh của nhân dân để bảo vệ đất nước. Tháng 8/1860, vua Tự Đức cử Nguyễn Tri Phương cùng Tôn Thất Cáp vào mặt trận phía Nam chống Pháp. Dù đây là thời cơ tốt để phản công khi Pháp đang phân tán lực lượng sang Trung Quốc, Nguyễn Tri Phương vẫn chọn chiến lược phòng thủ, cho xây dựng đại đồn Kỳ Hòa làm cứ điểm phòng thủ trọng yếu. Chính sách cố thủ này khiến mặt trận Gia Định không có trận đánh lớn nào từ tháng 8/1860 đến tháng 02/1861, tạo điều kiện cho Pháp củng cố vị trí và chờ viện binh. Ngày 24/02/1862, Pháp chiếm được đại đồn Kỳ Hòa, sau đó nhanh chóng chiếm Định Tường, Biên Hòa và Vĩnh Long. Việc mất thành Gia Định và đại đồn Kỳ Hòa không chỉ làm suy yếu khả năng phòng thủ của triều đình mà còn tạo cơ hội cho Pháp mở rộng xâm lược Nam Kỳ. Chính từ những thất bại này đã làm trầm trọng thêm sự bất đồng trong quyết sách chống Pháp của triều đình Huế. Từ những bất đồng về chính kiến ban đầu đã dần chuyển sang sự đối nghịch giữa hai khuynh hướng chủ hòa và chủ chiến trong triều đình Huế về sau.

### 3.2.2. Giai đoạn triều đình xuất hiện mâu thuẫn nội bộ và hình thành các phe phái (1859-1883)

Đầu năm 1859, Pháp đối mặt với nhiều khó khăn ở châu Âu do chiến tranh với Áo, xung đột với Trung Quốc và mâu thuẫn với Anh, khiến họ không thể tăng viện cho chiến trường Việt Nam. Do vậy, ngày 20/6/1859, Đô đốc Genouilly đã phải đề nghị nghị hòa với triều Nguyễn. Vua Tự Đức tổ chức bàn nghị, từ đó bắt đầu nổ ra cuộc tranh luận trong nội bộ triều đình về đối sách với Pháp. Dựa trên thái độ và quan điểm đối phó với thực dân Pháp, ý kiến của các quan lại triều Nguyễn được chia thành ba nhóm chính: nhóm chủ hòa bạc nhược, nhóm chủ hòa sách lược và nhóm chủ chiến.

Nhóm chủ hòa gồm Lê Chí Tín, Đoàn Thọ, Tôn Thất Thường, Tôn Thất Đạo, Nguyễn Hào. Họ lựa chọn phương án hòa để kết thúc chiến tranh ngay lập tức. Đây là một quyết định bị động, xuất phát từ sự nhận thức về tương quan lực lượng quá chênh lệch giữa Đại Nam và Pháp. Mục tiêu của họ là giảm thiểu tổn thất, giúp dân nghỉ ngơi và mong muốn Pháp sẽ rút quân sau khi đạt được một số thỏa thuận. Tuy nhiên, quan điểm này có thể khiến Đại Nam có nguy cơ phải chấp nhận những thỏa thuận bất bình đẳng với Pháp. Nhóm chủ hòa sách lược có nhiều quan điểm phức tạp hơn. Một số người như Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Lưu Lượng, v.v. đề xuất “hòa để thủ”, tức chủ trương cố thủ, tránh đối đầu trực diện với lực lượng mạnh hơn của Pháp, giữ vững thế trận. Mục tiêu của nhóm này là kéo dài thời gian để củng cố lực lượng, chuẩn bị cho một cuộc chiến lâu dài. Họ hiểu rằng không thể thắng Pháp trong một cuộc đối đầu trực diện, nên cần giữ vững thế trận, tập trung phòng thủ và chờ thời cơ thích hợp để phản công. Một số triều thần như Trần Văn Trung, Trương Quốc Dụng, v.v. chủ trương tạm thời không giao chiến, củng cố lực lượng, chờ thời cơ. Tuy nhiên, nhóm này chỉ nhìn vào các đề nghị bề ngoài như tự do buôn bán, truyền đạo, không nhận ra bản chất xâm lược của Pháp. Một số người khác như Vũ Đức Nhu, Phạm Thanh đề nghị thăm dò ý đồ của địch trước khi quyết định, nhưng ý kiến này thiếu tính khả thi nên không được chấp nhận. Nhóm chủ chiến gồm Tô Trân, Phạm Hữu Nghị, Nguyễn Tri Phương, v.v. Đây là những người kiên quyết chống Pháp bằng những kế hoạch cụ thể, có sự phân tích rõ ràng về điểm mạnh yếu của từng chiến trường (Quảng Nam có lợi cho phục kích, Gia Định khó đánh vì gần biển). Họ nhận thức sâu sắc về nguy cơ mất chủ quyền nếu chấp nhận hòa hoãn và các yêu sách của Pháp như cho phép truyền đạo, mở thương cảng. Quan điểm của họ là chỉ có chiến đấu mới bảo vệ được nền độc lập, dù cho lực lượng giữa Đại Nam và Pháp có chênh lệch [11, tr. 609-611]. Nhìn chung, sự đa dạng trong quan điểm đã dẫn đến việc triều Nguyễn bỏ lỡ nhiều cơ hội để phản công, củng cố nội lực, và chuẩn bị chu đáo hơn cho một cuộc chiến tranh lâu dài. Sự do dự này đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp từng bước xâm chiếm và mở rộng phạm vi kiểm soát, đẩy đất nước vào thế bị động hoàn toàn.

Vua Tự Đức dù giữ vai trò đứng đầu đất nước, lại thiếu lập trường rõ ràng trước các ý kiến trái chiều trong triều đình, dẫn đến sự lúng túng và chưa đưa ra được đối sách phù hợp với Pháp. Phe chủ chiến tuy quyết liệt nhưng ít người có chức quyền cao nên không đủ sức ảnh hưởng. Ngược lại, phe chủ hòa gồm nhiều đại thần cấp cao, chiếm ưu thế và tác động rõ rệt đến tư tưởng của nhà vua. Cuối cùng, vua Tự Đức nghiêng về chủ hòa khi cho rằng “hai bên đánh nhau, bên nào cũng có trận được trận thua... đến bàn hòa, cũng là ý tốt” [11, tr.617]. Khi gặp khó khăn

trong việc chiếm Đà Nẵng, hai chỉ huy Pháp là Genouilly (7/1859) và Page (3/1860) đều chủ trương nghị hòa, đề xuất các điều kiện tương đối mềm mỏng như thiết lập quan hệ hữu nghị, ân xá người hợp tác với Pháp, tự do truyền giáo và thương mại, cùng việc rút quân sau khi ký hiệp ước. Tuy nhiên, triều Nguyễn không nhận thức rõ lợi ích của việc tạm thời nhượng bộ để củng cố lực lượng, bỏ lỡ cơ hội đàm phán có lợi, kéo dài tình trạng “không đánh không hòa”, tạo điều kiện để Pháp có thời gian tăng cường lực lượng quân sự, đẩy mạnh xâm lược Việt Nam.

Sau khi đại đồn Kỳ Hòa thất thủ, vua Tự Đức vẫn duy trì quan điểm “hòa là quyền nghi, đánh giữ là thực vụ”. Trước sức mạnh quân sự của Pháp, Thượng thư Nguyễn Bá Nghi cho rằng quân đội triều đình khó lòng chống lại Pháp, trong khi Pháp sở hữu tàu chiến và pháo lớn, vượt trội hơn hẳn so với vũ khí thô sơ của quân triều đình [11, tr.715]. Quan điểm này dần lan rộng, ảnh hưởng đến các đại thần và vua Tự Đức. Trong khi đó, phe chủ chiến do Nguyễn Tri Phương đứng đầu vẫn kiên quyết kháng chiến. Từ tháng 4 đến tháng 5/1862, Pháp chủ động xin giảng hòa trong bối cảnh phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Kỳ gây nhiều khó khăn cho quân Pháp, và Pháp cần dồn lực cho cuộc chiến ở Mexico. Triều đình Nguyễn cử Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đi đàm phán với hy vọng giảm bớt các điều khoản bất lợi. Tuy nhiên, hai ông vốn chủ hòa, không nắm bắt được cục diện có lợi cho Việt Nam. Chính vì chưa nắm chắc tình hình, triều Nguyễn đã vội vàng ký kết Hiệp ước Nhâm Tuất, nhượng ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn cho thực dân Pháp. Hiệp ước bị dư luận và quan lại trong triều Nguyễn phản đối dữ dội. Vua Tự Đức dù thất vọng nhưng vẫn tiếp tục thương lượng với Pháp. Tuy nhiên, nhiều người như Trần Hi Tăng chọn cách phản kháng bằng tự vẫn, Nguyễn Tri Phương xin từ quan, không hợp tác với phái bộ hòa nghị và bày tỏ sự bất mãn với vua và triều đình. Những hành động này cho thấy sự chia rẽ sâu sắc giữa phe chủ chiến và chủ hòa ngay trong nội bộ triều Nguyễn.

Ban đầu, phe chủ hòa chủ trương hòa hoãn là biện pháp tạm thời nhằm tránh tổn thất, tranh thủ thời gian củng cố lực lượng và chờ thời cơ giành lại đất đã mất. Tuy nhiên, sau Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), một bộ phận quan lại chuyển sang xem hòa hoãn là chiến lược lâu dài như Đoàn Thọ, Trần Tiến Thành. Bên cạnh đó, một số đại thần Phạm Phú Thứ và Nguyễn Trường Tộ vẫn giữ quan điểm hòa hoãn chỉ là tạm thời để chuẩn bị cải cách đất nước. Nguyễn Trường Tộ nhiều lần dâng lên các bản điều trần về cải cách toàn diện, mong muốn xây dựng quốc gia giàu mạnh, đất nước phát triển. Phe chủ chiến trong giai đoạn này cũng có sự phân hóa nhất định. Một bộ phận chủ chiến, tiêu biểu là Trần Tấn và Đặng Như Mai, không chỉ chống Pháp mà còn chống lại cả triều đình đầu hàng. Một bộ phận chủ chiến khác lại tuyệt đối trung thành với vua Tự Đức mà Tôn Thất Thuyết là đại diện tiêu biểu. Năm 1873, Pháp thua trận ở Cầu Giấy, Garnier tử trận, triều đình vẫn không tận dụng cơ hội phản công mà tiếp tục thương lượng. Kết quả, Hiệp ước Giáp Tuất (1874) được ký kết, công nhận sáu tỉnh Nam Kỳ thuộc Pháp, đồng thời mở cửa giao thương, thừa nhận quyền kiểm soát của Pháp tại Việt Nam. Sau Hiệp ước Giáp Tuất (1874), phong trào kháng chiến bùng nổ mạnh mẽ. Văn thân Nghệ An, Hà Tĩnh với 20.000 quân chiếm tỉnh thành Hà Tĩnh, bao vây phủ Diên Châu, lập căn cứ ở Vinh [12, tr.326]. Cùng lúc đó, khởi nghĩa nổ ra khắp nơi: binh lính nổi dậy ở Hà Nội (Đội Tĩnh, Quân Thiều), nông dân Bắc Ninh (Giáp Văn Trận), nhân dân Tuyên Quang, Thanh Hóa và các dân tộc thiểu số ở Bắc và Trung Kỳ.

Sau năm 1883, nhận thấy dã tâm xâm lược của Pháp, vua Tự Đức chuyển từ chủ trương hòa nghị sang quyết tâm kháng chiến. Từ năm 1880 đến 1883, ông bí mật đàm phán nhiều lần với triều Thanh, hy vọng Trung Quốc can thiệp quân sự tại Huế nhưng không nhận được phản hồi. Lúc này, triều Nguyễn phân hóa thành hai xu hướng là hòa nghị với Pháp và xu hướng cầu viện triều Thanh. Xu hướng hòa nghị với Pháp được nhiều quan lại trong triều đình ủng hộ, với hy vọng có thể đạt được một thỏa thuận hòa bình với Pháp, tránh gây thêm tổn thất cho đất nước. Ngược lại, một bộ phận quan lại chủ chiến khác cho rằng, cần tìm kiếm sự hỗ trợ từ triều Thanh để đẩy lùi được quân xâm lược. Ngoài ra, một số ít đình thần chủ trương kháng chiến đến cùng, nhưng lực lượng này không chiếm ưu thế. Ngay cả Hoàng Tá Viêm, người được xem là biểu tượng của tinh thần kháng chiến, cũng chủ trương dùng quân sự để tạo lợi thế trên bàn đàm phán, cho thấy sự phức tạp trong quan điểm chống Pháp của triều Nguyễn thời điểm đó.

Có thể thấy, khi có cơ hội để phản công lại quân Pháp trên các mặt trận, triều Nguyễn đã do dự và bỏ lỡ, dẫn đến những tổn thất lớn hơn. Sự lưỡng lự giữa hòa và chiến do chia rẽ trong nội bộ triều đình đã tạo điều kiện cho Pháp từng bước xâm chiếm Việt Nam. Trong giai đoạn Pháp mở rộng xâm lược Nam Kỳ, sự phân hóa trong phe chủ hòa và chủ chiến càng thể hiện rõ. Phe chủ hòa với tư tưởng “hòa hoãn để chuộc đất” đã dẫn đến việc mất 6 tỉnh Nam Kỳ. Ngược lại, phe chủ chiến dù thể hiện tinh thần kiên cường chống Pháp nhưng lại bị phân tán và không nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ triều đình. Đến giai đoạn Pháp tấn công Bắc Kỳ, sự chia rẽ trong triều đình càng trở nên gay gắt. Sự do dự và thiếu quyết đoán của triều đình đã khiến đất nước rơi vào tình thế nguy hiểm, không thể chống lại sự xâm lược của Pháp.

### *3.2.3. Giai đoạn phân hóa trong triều đình chấm dứt khi phe chủ chiến giành được quyền lãnh đạo triều chính (1883-1884)*

Năm 1883, đất nước lâm vào khủng hoảng chính trị. Dù thắng lợi tại Cầu Giấy lần hai của triều Nguyễn khiến Pháp lo ngại, nhưng Pháp không từ bỏ dã tâm xâm lược. Ngày 19/7/1883, vua Tự Đức băng hà, di chiếu truyền ngôi cho Nguyễn Phúc Ưng Chân (vua Dục Đức) và ủy thác quyền phụ chính cho ba đại thần: Trần Tiễn Thành (chủ hòa), Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết (chủ chiến). Sự khác biệt trong quan điểm chống Pháp đã làm nội bộ triều đình phân hóa nghiêm trọng, dẫn đến những biến động chính trị sau này. Vua Dục Đức, với tư tưởng chủ hòa, tìm cách loại bỏ ảnh hưởng của phe chủ chiến. Ông tự ý sửa di chiếu và liên kết với những người thân Pháp, nhưng bị Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết phát hiện [13, tr.601]. Việc này bị Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết phát hiện, họ buộc Thái hậu Từ Dụ phế truất ông. Sau ba ngày trị vì, ông bị giam giữ và qua đời vì đói khát tại Ngục Thất Thừa Thiên. Kế vị vua Dục Đức là Nguyễn Phúc Hồng Dật (Hiệp Hòa), người cũng chủ trương hòa hoãn và đưa người thân Pháp vào triều, gây mâu thuẫn sâu sắc với phe chủ chiến. Ngày 29/11/1883, sau khi vua Hiệp Hòa bí mật cầu viện Pháp để loại bỏ phe chủ chiến và bức thư bị lộ, Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đã dâng sớ buộc tội, ép ông uống thuốc độc tự vẫn. Trần Tiễn Thành cũng bị sát hại vì từ chối ký tấu sớ phế vua [13, tr.612]. Hành động này cho thấy mâu thuẫn giữa phe chủ chiến và phe chủ hòa đã trở nên đỉnh điểm, các phe phái không chỉ cạnh tranh quyền lực mà còn công khai đối đầu, thậm chí tìm cách loại trừ các nhân vật của phe đối thủ. Sau vua Hiệp Hòa, Nguyễn Phúc Ưng Đăng (Kiến Phúc) được đưa lên ngôi, đánh dấu việc phe chủ chiến hoàn toàn nắm giữ quyền lực. Tôn Thất Thuyết tiến hành loại bỏ những người thân Pháp trong triều đình, xây dựng lực lượng, củng cố phòng tuyến tại Tân Sở, Quảng Trị và các vùng rừng núi miền Trung, chuẩn bị chiến tranh lâu dài. Ông chú trọng hậu cần, chế tạo vũ khí và cải cách toàn diện quân sự, kinh tế. Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết dần trở thành những người nắm toàn bộ quyền lực trong triều. Ngày 31/7/1884, vua Kiến Phúc đột ngột qua đời vì bạo bệnh. Đến ngày 02/8/1884, Nguyễn Phúc Ưng Lịch được đưa lên ngôi, tức vua Hàm Nghi.

Giai đoạn 1883-1884 là một trong những thời kỳ biến động nhất của triều Nguyễn, quyền lực liên tục thay đổi giữa hai phe chủ chiến và chủ hòa. Sự kiện phế lập liên tiếp ba vị vua chỉ trong hơn bốn tháng (sự kiện “tứ nguyệt tam vương”) phản ánh sự suy yếu của chính quyền trung ương và ảnh hưởng ngày càng lớn của phe chủ chiến. Cuối cùng, phe chủ chiến giành được ưu thế, lãnh đạo triều chính, chấm dứt giai đoạn phân hóa trong nội bộ triều đình Huế.

### *3.3. Một số tác động của quá trình phân hóa triều Nguyễn đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của quân và dân Việt Nam (1858-1884)*

*Thứ nhất, quá trình phân hóa đã tác động đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược do triều Nguyễn lãnh đạo.*

Quá trình phân hóa dẫn đến sự bất đồng trong triều Nguyễn về đường lối kháng chiến. Trước sự xâm lược của Pháp, triều Nguyễn chia thành hai phe nhóm là chủ chiến và chủ hòa. Phe chủ hòa gồm các đại thần như Nguyễn Bá Nghi, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp, Trần Tiễn Thành, v.v. nhận thức rõ sức mạnh quân sự và chủ trương hòa hoãn với Pháp. Ngược lại, phe chủ chiến

gồm các đại thần như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường, v.v. kiên quyết phản đối hòa hoãn và chủ trương kháng chiến chống Pháp. Trong từng phe nhóm lại có những khuynh hướng khác nhau. Phe chủ chiến chia thành hai nhóm là nhóm công thủ và nhóm chủ chiến dựa vào triều Thanh chống Pháp. Phe chủ hòa phân hóa thành các nhóm hòa để thủ, hòa đầu hàng và hòa để cải cách, mở cửa đất nước. Sự phân hóa đó đã khiến triều đình không thống nhất trong đường lối kháng chiến, triều Nguyễn không nắm bắt được ý đồ của Pháp một cách kịp thời để nhanh chóng đưa ra đối sách phù hợp.

*Thứ hai, quá trình phân hóa đã tác động đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trong nhân dân.*

Những hiệp ước bất lợi mà triều Nguyễn ký với Pháp đã khiến nhân dân mất niềm tin vào khả năng lãnh đạo của triều đình trong cuộc kháng chiến. Giữa lúc phong trào kháng chiến trong nhân dân đang dâng cao thì triều Nguyễn đã ký với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (1862). Bên cạnh đó, triều đình còn ra lệnh cho các nghĩa quân giải tán lực lượng và điều thủ lĩnh đi các địa phương khác vì sợ mất lòng người Pháp. Để phản đối đường lối hòa nghị của triều đình, phong trào kháng chiến của nhân dân lại bùng nổ mạnh mẽ hơn. Một số cuộc khởi nghĩa do các thủ lĩnh như Phạm Gia Vĩnh, Trần Thiện Chính, Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, v.v. lãnh đạo đã gây ra nhiều tổn thất cho thực dân Pháp. Sau Hiệp ước Giáp Tuất (1874), phong trào kháng chiến do văn thân Nghệ An và Hà Tĩnh lãnh đạo vừa chống Pháp, vừa phản đối sự đầu hàng của triều đình, các tầng lớp nhân dân ở các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Ninh, Hà Nội, khu vực rừng núi Bắc Kỳ và Trung Kỳ, v.v. cùng đoàn kết chống Pháp [12, tr.326].

*Thứ ba, sự phân hóa đã tác động đến đến quá trình tiếp thu ảnh hưởng của văn minh phương Tây vào Việt Nam.*

Sự phân hóa của triều đình đã tạo nên mâu thuẫn trong quan điểm về cải cách đất nước và hạn chế sự tiếp thu ảnh hưởng của văn minh phương Tây vào Việt Nam. Một số quan lại bảo thủ, trung thành với Nho giáo như Nguyễn Tri Phương, Võ Trọng Bình, Trần Tiễn Thành, Nguyễn Bá Nghi, v.v. kiên quyết phản đối mọi sự thay đổi, cải cách đất nước. Ngược lại với ý kiến trên, một số nhân vật như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Đặng Huy Trứ, Bùi Viện, v.v. đề xuất triều đình tiến hành cải cách đất nước. Phe chủ hòa chủ trương tạm thời nhượng bộ Pháp để tránh tổn thất, coi đó là chiến lược kéo dài thời gian nhằm giúp triều đình có cơ hội tiến hành cải cách, phát triển đất nước và củng cố tiềm lực quân sự, từng bước giành lại những vùng lãnh thổ đã mất vào tay thực dân Pháp. Tuy nhiên, việc thực hiện các biện pháp cải cách một cách chậm chạp, nửa vời cùng sự phản đối của nhóm quan lại thủ cựu đã khiến chủ trương này không thu được kết quả nào đáng kể mà lại khiến triều đình lãng phí thời gian trong cuộc đối đầu với thực dân Pháp. Dưới thời vua Tự Đức, dù có những đề xuất cải cách từ các sĩ phu, triều đình chỉ thực hiện vài thay đổi nhỏ lẻ, không đủ để tạo ra sự chuyển biến lớn trong tình hình đất nước. Điều này khiến nội bộ triều đình thiếu sự đồng thuận trong đường lối chính trị, làm suy giảm khả năng ứng phó trước sự xâm lược của Pháp.

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu về sự phân hóa trong nội bộ triều Nguyễn đã góp phần cung cấp một cái nhìn toàn diện về những nguyên nhân dẫn đến sự thất bại trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp. Trong quá trình đối phó với cuộc xâm lược của Pháp, triều Nguyễn đã bộc lộ sự thiếu thống nhất. Làn sóng xâm lược thuộc địa từ phương Tây buộc các nước Đông Á phải tìm cách ứng phó. Những phản ứng khác nhau của các quốc gia đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng và lập trường của quan lại trong triều Nguyễn về phương án đối phó với thực dân Pháp. Đồng thời, xã hội Việt Nam bấy giờ tồn tại nhiều mâu thuẫn, tư tưởng Nho giáo bảo thủ và thái độ e dè phương Tây khiến triều Nguyễn cứng nhắc trong đối ngoại và cải cách. Việc triều Nguyễn phân hóa thành các nhóm chủ hòa và chủ chiến đã tạo ra những cuộc đấu đá nội bộ không ngừng, làm suy yếu nghiêm trọng khả năng lãnh đạo của triều đình. Sự chia rẽ sâu sắc và xung đột nội bộ này đã khiến các phe phái thay vì tập trung chống Pháp lại tranh giành quyền lực, đấu đá và tìm cách loại trừ lẫn nhau. Điều này thể hiện rõ nhất từ

năm 1883, khi triều quyền thay đổi liên tục và ba vị vua bị phế lập chỉ trong bốn tháng. Mặc dù cuối cùng phe chủ chiến giành được quyền lãnh đạo, nhưng sự chia rẽ kéo dài đã làm suy yếu đáng kể khả năng kháng chiến của triều Nguyễn. Hậu quả là triều đình đã liên tiếp ký các hiệp ước bất lợi, đàn áp các phong trào khởi nghĩa và trì hoãn cải cách, khiến triều Nguyễn ngày càng mất lòng dân và không đủ tiềm lực để chống lại Pháp. Nghiên cứu này không chỉ góp phần lý giải nguyên nhân thất bại của triều Nguyễn, mà còn góp phần nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tính linh hoạt trong chính sách đối ngoại và sự cần thiết của cải cách trong bối cảnh thay đổi của thế giới. Từ đó, có thể thấy, chính sự chia rẽ nội bộ và thiếu tầm nhìn chiến lược đã khiến triều Nguyễn không thể đứng vững trước làn sóng xâm lược của phương Tây và đã thất bại trước cuộc xâm lược của Pháp.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] V. G. Tran, *The Development of Thought in Vietnam from the 19th Century to the August Revolution*, vol. 1. Ho Chi Minh City General Publishing House, 2020.
- [2] D. O. Nguyen, *The Military and Literary Resistance of the Southern People against the French (1859-1885)*. Ho Chi Minh City Publishing House, 2018.
- [3] Vietnam Institute of Military History, *The Anti-French Resistance Movement in the Late 19th Century: Lessons for National Construction and Defense*. People's Army Publishing House, Hanoi, 2018.
- [4] T. T. Nguyen, "Some Additional Views on the Anti-French Resistance Led by the Nguyen Dynasty in the Late 19th Century," *Journal of Science, Ho Chi Minh City University of Education*, no. 10, pp. 44-55, 2015.
- [5] Q. A. Tran, "The Western Mission of Phan Thanh Gian's Embassy, 1863-1864," *Journal of Science, Dong A University*, vol. 1, no. 2, pp. 126-147, 2022.
- [6] D. T. Nguyen, "Further Reflections on the Causes of Vietnam's Loss of Sovereignty under the Nguyen Dynasty," *Tay Nguyen Journal of Social Sciences*, no. 3, pp. 3-13, 2022.
- [7] D. C. Nguyen, "Regarding a "Can Vương" Movement in Cochinchina in Response to Emperor Tu Duc's Call (1859 - 1866)," *Ho Chi Minh City Journal of Social Sciences, Southern Institute of Social Sciences*, no. 5, pp. 56-67, 2022.
- [8] T. M. Nguyen, "Attitude of Vietnamese Scholars towards Western Scientific and Technical Knowledge from the 17th to the First Half of the 19th Century," *Journal of Science and Technology Development - Social Sciences and Humanities*, no. 3, pp. 1130-1138, 2021.
- [9] T. Tran, *The Attitude of Vietnamese Scholars in the Era of East-West Contact: From the 17th Century to the Early 20th Century*. Ho Chi Minh City General Publishing House, 2014.
- [10] D. N. Vu, *Reform Movements in East Asian Countries from the Mid-19th to Early 20th Century*. Vietnam National University Publishing House, Hanoi, 2016.
- [11] National History of the Nguyen Dynasty, Institute of History, *Dai Nam Thuc Luc*, vol. 7, Education Publishing House, Hanoi, 2007.
- [12] P. Q. Nguyen, *Vietnam in the 19th Century (1802-1884)*. Ho Chi Minh City Publishing House, 2002.
- [13] D. A. S. Tran, *Hue - A Perspective on the Nguyen Dynasty*. World Publishing House, Hanoi, 2018.